TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 11/2023/DS-PT
Ngày 09 – 02 – 2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Bà Trần Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09-02-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2022/DS-PT ngày 01-12-2022 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2022/QĐ-PT ngày 30-12-2022; Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 08/2023/TLPT-DS ngày 17-01-2023; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** (Ngân hàng TMCP Đ). Trụ sở chính: Số X Đường A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ chi nhánh: Số X Đường D, phường E, thành phố F, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Quảng Nam; theo Quyết định số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08-8-2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Đ; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Hà Ngọc Hoàng L,** sinh năm 1980. Nơi ĐKHKTT: Số X đường G, phường J, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đ trình bày tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà:*

Ngày 03-7-2009, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Quảng Nam và ông Hà Ngọc Hoàng L có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa DongA Bank số 4206 ngày 03-7-2009, chi tiết: Khoản cấp tín dụng: số tiền vay 100.000.000đ; Lãi suất 14,4%/năm; Thời hạn vay: từ ngày 03-7-2009 đến ngày 31-7-2011; Mục đích vay: tiêu dùng; Biện pháp bảo đảm: tín chấp; Lãi suất, phí dịch vụ được áp dụng theo Biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Đ ban hành tùy từng thời điểm.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, đến ngày 04-11-2010 ông L không thực hiện việc thanh toán vốn, lãi và phí theo cam kết chi Ngân hàng. Do ông Hà Ngọc Hoàng L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29-9-2022, ông L còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Vốn: 70.163.000đ; Lãi trong hạn: 66.034.000đ; Lãi quá hạn: 148.711.888đ; Phí chậm thanh toán: 570.965.324đ. Tổng cộng: 855.874.200đ.

Yêu cầu Tòa án buộc ông Hà Ngọc Hoàng L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tạm tính đến ngày 29-9-2022 là: 855.874.200đ. (Tám trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi bốn ngàn, hai trăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 70.163.000đ, nợ lãi trong hạn là 66.034.000đ, nợ lãi quá hạn là 148.711.888đ, phí chậm thanh toán là 570.965.324đ và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 30-9-2022 cho đến khi ông L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

** Bị đơn - ông Hà Ngọc Hoàng L* không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê* phát biểu ý kiến về việc tham gia pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông Hà Ngọc Hoàng L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 284.908.888đ (trong đó nợ gốc là 70.163.000đ, nợ lãi trong hạn là 66.034.000đ, nợ lãi quá hạn là 148.711.888đ) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 30-9-2022 cho đến khi ông L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền Phí chậm thanh toán là 570.965.324đ.

** Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 29-9-2022 như sau:*

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 122, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 51, 54 Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Hà Ngọc Hoàng L về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Hà Ngọc Hoàng L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 284.908.888đ; trong đó nợ gốc là 70.163.000đ, nợ lãi trong hạn là 66.034.000đ, nợ lãi quá hạn là 148.711.888đ.

Kể từ ngày 30-9-2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Ngọc Hoàng L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền Phí chậm thanh toán là 570.965.324đ của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Hà Ngọc Hoàng L về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

3. Về án phí: Ông Hà Ngọc Hoàng L phải chịu 14.245.444đ. Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 26.838.613đ đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* *Đơn kháng cáo:* Ngày 10-10-2022, Ngân hàng TMCP Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nói trên về phần tuyên xử "Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền Phí chậm thanh toán là 570.965.324đ của Ngân hàng TMCP Đ" do hai bên có thoả thuận tại Hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng* phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn - ông Hà Ngọc Hoàng L đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Quảng Nam và ông Hà Ngọc Hoàng L có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa DongA Bank số 42XX ngày 03-7-2009; số tiền vay 100.000.000 đồng; Lãi suất 14,4%/năm; Thời hạn vay: từ ngày 03-7-2009 đến ngày 31-7-2011; Mục đích vay: tiêu dùng; Biện pháp bảo đảm: tín chấp. Lãi suất, phí dịch vụ được áp dụng theo Biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Đ ban hành tùy từng thời điểm.

Do ông L không thực hiện việc thanh toán vốn, lãi và phí theo cam kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hà Ngọc Hoàng L phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 29-9-2022 là: 855.874.200đ; trong đó: Nợ gốc là 70.163.000đ, nợ lãi trong hạn là 66.034.000đ, nợ lãi quá hạn là 148.711.888đ, phí chậm thanh toán là 570.965.324đ và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 30-9-2022 cho đến khi ông L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Toà án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về số tiền Nợ gốc là 70.163.000đ, nợ lãi trong hạn là 66.034.000đ, nợ lãi quá hạn là 148.711.888đ; không chấp nhận yêu cầu về số tiền phí chậm thanh toán 570.965.324đ nên Ngân hàng kháng cáo về nội dung này.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ thì thấy:

[3.1] Tại Khoản 1.18 Điều 1 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa DongA Bank số 42XX ngày 03-7-2009 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Hà Ngọc Hoàng L có thoả thuận: *"Phí dịch vụ thẻ tín dụng (gọi tắt là "phí") là các khoản phí mà chủ thẻ thanh toán cho DAB khi sử dụng thẻ và thực hiện các giao dịch thẻ. Mức phí, loại phí do DAB quy định theo từng thời điểm trong biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng."* Theo Biểu phí sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng ban hành là mức phí phạt do chậm thanh toán 4% nhân cho khoản nợ tối thiểu còn lại.

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30-6-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều 8: *"Giao dịch thẻ là việc sử dụng thẻ để gửi, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ và sử dụng các dịch vụ khác do tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ cung ứng."*

Như vậy, "Phí dịch vụ thẻ" phải được hiểu là khoản tiền mà khách hàng phải chịu khi sử dụng các dịch vụ như gửi, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh

toán tiền hàng hoá, dịch vụ và sử dụng các dịch vụ khác … Còn ở đây, Ngân hàng TMCP Đ lại tính "Phí dịch vụ thẻ" là mức phí phạt do chậm thanh toán 4% nhân cho khoản nợ tối thiểu còn lại – như vậy, đây là tiền phạt do chậm thanh toán chứ không phải là Phí dịch vụ.

[3.2] Đồng thời, theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*". Khi ông L không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng thì Ngân hàng đã yêu cầu tính nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn. Do vậy, yêu cầu tính phí chậm thanh toán của Ngân hàng TMCP Đ chưa phù hợp với quy định nói trên nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí chậm thanh toán 570.965.324đ là đúng pháp luật.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Ngân hàng TMCP Đ không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ngân hàng TMCP Đ không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 122, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 51, 54 Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

I. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Hà Ngọc Hoàng L về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Hà Ngọc Hoàng L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 284.908.888đ (hai trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm lẻ tám ngàn, tám trăm tám mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc là 70.163.000đ, nợ lãi trong hạn là 66.034.000đ, nợ lãi quá hạn là 148.711.888đ.

Kể từ ngày 30-9-2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Ngọc Hoàng L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Hà Ngọc Hoàng L về số tiền Phí chậm thanh toán là 570.965.324đ.

3. Về án phí:

- Ông Hà Ngọc Hoàng L phải chịu 14.245.444đ (mười bốn triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 26.838.613đ đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.695.235đ theo biên lai thu số 0002720 ngày 13-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngân hàng TMCP Đ còn phải nộp 8.143.378đ (tám triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi tám đồng).

II. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008009 ngày 21-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Thanh Khê, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai